

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Vân.
2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Quan Thị Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị P; sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lèng Xuân H; sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Hoàng Thị P khai chị và anh Lèng Xuân H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên đi uống rượu về là có lời lẽ, chửi bới, xúc phạm chị P trong việc làm ăn kinh tế. Chị P và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh H. Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lèng Xuân H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản khác của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H không nộp cho Tòa án văn bản nào về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không nộp cho Tòa án được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào. Anh H cũng không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang cung cấp thông tin cho biết vợ chồng chị Hoàng Thị P và anh Lèng Xuân H có đăng ký kết hôn, đều làm ruộng, làm thuê trong lúc nông nhàn tại thôn N, xã T, huyện Q. Vợ chồng không có con chung; vợ chồng đã có mâu thuẫn, do tính tình của vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018, chị P thường xuyên đi làm thuê, ít về nhà.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự có liên quan đến mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 6 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị P ly hôn anh Lèng Xuân H; về án phí: Chị Hoàng Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Được thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Hoàng Thị P có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lèng Xuân H, có địa chỉ tại thôn N, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Hoàng Thị P và anh Lèng Xuân H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là kết hôn hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị P cũng như các tài liệu, chứng cứ mà chị P đã nộp cho Tòa án, thông tin do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang cung cấp thì Tòa án thấy vợ chồng chị P và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân từ năm 2018; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, áp dụng các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị P ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị P, anh H không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 6 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

*** Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Hoàng Thị P ly hôn anh Lèng Xuân H.

*** Về án phí:** Chị Hoàng Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002259 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; chị Hoàng Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*** Về kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng

